

Đạo đức nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học: Thách thức và chiến lược áp dụng trong khoa học xã hội và nhân văn

Nguyễn Nữ Nguyệt Anh*

Tóm tắt: Bài viết này nhấn mạnh tầm quan trọng của đạo đức nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt trong nghiên cứu của các khối ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn. Các thách thức trong việc thiết lập và vận hành các Ủy ban/Hội đồng Đạo đức nghiên cứu; xây dựng bộ quy tắc đạo đức nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học; những hạn chế trong hiểu biết về đạo đức nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên và người học và những khó khăn trong thực hành đạo đức nghiên cứu trong bối cảnh số hóa là trung tâm của phân tích. Bên cạnh đó, các chiến lược để tích hợp đạo đức nghiên cứu vào chương trình đào tạo cũng được thảo luận. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được chọn là một trường hợp để phân tích những thuận lợi và khó khăn trong việc tổ chức và hoạt động của các hội đồng đạo đức nghiên cứu. Ngoài những dữ liệu thứ cấp từ các nguồn khác nhau, bài viết còn sử dụng dữ liệu sơ cấp từ 10 cuộc phỏng vấn đối với các bên liên quan như: sinh viên sau đại học, giảng viên, giáo vụ sau đại học, quản lý cấp khoa được thực hiện vào tháng 01 năm 2025. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm cải thiện chất lượng của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu.

Từ khóa: đạo đức nghiên cứu; hội đồng đạo đức nghiên cứu; giáo dục đại học; khoa học xã hội và nhân văn.

Ngày nhận 04/10/2024; ngày chỉnh sửa 14/01/2025; ngày chấp nhận đăng 30/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2025.11.3.4>

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu và rộng trên mọi lĩnh vực, công tác giáo dục gắn với nghiên cứu khoa học là yêu cầu cơ bản được đặt ra cho các cơ sở giáo dục bậc cao, đặc biệt là giáo dục sau đại học. Khi nghiên cứu khoa học trở thành nhiệm vụ bắt buộc, vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên

cứ ngày càng được coi trọng. Đối với các nghiên cứu thu thập dữ liệu từ con người và về con người, nhà nghiên cứu cần bảo vệ những người tham gia nghiên cứu; xây dựng niềm tin đối với họ; thúc đẩy tính liêm chính trong nghiên cứu; ngăn chặn hành vi sai trái và không đúng mực – những điều có thể ảnh hưởng đến tổ chức của họ; và đối phó với những vấn đề mới, đầy thách thức. Các vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên cứu không chỉ cần được xem xét trong quá trình thu thập dữ liệu mà còn ở tất cả các giai đoạn của quá trình nghiên cứu khoa học: từ trước

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG
Thành phố Hồ Chí Minh;
email: nguyen.nunguyetanh@hcmussh.edu.vn

khi tiến hành nghiên cứu; bắt đầu nghiên cứu; thu thập dữ liệu; phân tích dữ liệu và báo cáo, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu.

Trong bối cảnh học thuật phương Tây, các vấn đề đạo đức thường hay được nêu lên trong các cuộc thảo luận về quy tắc ứng xử nghề nghiệp dành cho các nhà nghiên cứu và trong các bình luận về những tình huống khó xử về mặt đạo đức cũng như các giải pháp tiềm năng của chúng (Punch 2000). Đây là những vấn đề mà các cơ sở giáo dục bậc cao Việt Nam cần quan tâm và học hỏi. Cần phân biệt rõ sự khác nhau giữa “ethics” (đạo đức hay còn gọi là luân lý), thường bắt nguồn từ hệ thống bên ngoài như các tổ chức và được sử dụng trong các tình huống mang tính xã hội hoặc nghề nghiệp, nơi cần quy định hành vi nhằm đảm bảo công bằng và an toàn. Trong khi đó, “moralitas” được dịch là đạo lý, thường gắn với giá trị cá nhân, tôn giáo hoặc văn hóa. Như vậy, đạo đức nghiên cứu được xem là bộ quy tắc ứng xử do các tổ chức, hiệp hội quy định nhằm quản lý và điều chỉnh hành vi của các cá nhân thuộc các tổ chức hay hiệp hội nghề nghiệp này. Mặc dù đạo đức nghiên cứu là một vấn đề không mới nhưng hiểu biết của người học và giảng viên về đạo đức nghiên cứu còn hạn chế và nhu cầu được tư vấn về các vấn đề liên quan đến đạo đức khá cao.

Nếu như việc phải bảo vệ các khía cạnh đạo đức cho nghiên cứu được thực hành phổ biến ở các cơ sở đào tạo bậc cao ở nhiều quốc gia phát triển thì ở các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng còn diễn ra khá hạn chế. Ở Việt Nam, chủ yếu các nghiên cứu y sinh mới cần thông qua đạo đức nghiên cứu vì những nghiên cứu này liên quan trực tiếp đến con người, sức khỏe và sự sống. Đạo đức nghiên cứu còn ít áp dụng đối với những lĩnh vực nghiên cứu khác, bao gồm khoa học xã hội và nhân văn. Hiện nay chỉ có một số trường

đại học đã thành lập hội đồng đạo đức nghiên cứu, chủ yếu là các trường đại học y, được nghiên cứu về y sinh như: Trường Đại học Y - Dược thuộc Đại học Huế; Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nổi lên là một trong những trường đào tạo khối ngành khoa học xã hội và nhân văn; đã tiên phong trong việc thành lập hội đồng đạo đức nghiên cứu và đã chính thức áp dụng xét duyệt đạo đức nghiên cứu đối với đề tài các cấp thuộc quản lý của trường, luận văn cao học và luận án tiến sĩ.

Bài viết này hướng đến mục tiêu làm rõ các vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên cứu; sau đó, phân tích những thách thức trong việc thực hành áp dụng đạo đức nghiên cứu trong các bối cảnh cụ thể và cách thức nghiên cứu khác nhau trên thế giới; giới thiệu các chiến lược lồng ghép đạo đức nghiên cứu vào trong chương trình đào tạo. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được chọn là một trường hợp nghiên cứu nhằm phân tích và chỉ rõ những bất cập cũng như những thách thức trong việc tổ chức và áp dụng thực hành đạo đức nghiên cứu mà cơ sở đào tạo này đang phải đối mặt. Từ những phân tích trên, bài viết đưa ra những đề xuất nhằm cải thiện các quy trình và tiêu chuẩn đánh giá đạo đức phù hợp hơn với đặc thù của nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn và làm tăng tính hiệu quả cho việc đưa đạo đức nghiên cứu vào trong công tác giáo dục đại học và sau đại học của trường nói riêng và các cơ sở giáo dục đại học có các khối ngành khoa học xã hội và nhân văn nói chung.

2. Những thách thức liên quan đến đạo đức nghiên cứu

2.1. Thách thức trong việc thiết lập và vận hành ủy ban/hội đồng đạo đức nghiên cứu

Trên thế giới, hai thuật ngữ “ủy ban đạo đức nghiên cứu” (Research Ethics Committee) và “Hội đồng đạo đức nghiên cứu” (Ethics Review Board) được sử dụng song song, phản ánh sự khác biệt trong hệ thống pháp lý, thể chế và truyền thống học thuật của từng quốc gia. Trong bối cảnh Việt Nam, cả hai cách gọi này cũng đang được sử dụng tùy theo từng tổ chức. Tuy nhiên, về bản chất, hai thuật ngữ đều chỉ một cơ chế tổ chức có chức năng giám sát, thẩm định và đảm bảo các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu.

Trong quá trình vận hành ủy ban/hội đồng đạo đức nghiên cứu, nhiều vấn đề đã xảy ra. Ví dụ, ở Vương quốc Anh (Anh), nhiều nhà nghiên cứu cho rằng các ủy ban đạo đức nghiên cứu của trường đại học (University Research Ethics Committees) hiện nay hoạt động thiếu nhất quán và cứng nhắc (Kasstan và cộng sự 2023). Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng có sự bất đồng nhất về chất lượng và hiệu quả của các ủy ban/hội đồng đạo đức nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học khác nhau. Các quy trình đạo đức mang tính “hình thức” và “quản lý rủi ro” hơn là thực sự bảo vệ người tham gia nghiên cứu. Nhà nghiên cứu, đặc biệt là những người mới vào nghề, gặp khó khăn với các quy định rườm rà, mất thời gian mà không thực sự giúp ích cho nghiên cứu. Các quy trình thường quá tập trung vào việc bảo vệ thương hiệu và tuân thủ pháp lý hơn là hỗ trợ các nhà nghiên cứu và những người tham gia nghiên cứu. Tương tự, nghiên cứu của McAreavey và cộng sự (2011) tìm hiểu về các ủy ban/hội đồng đạo đức của Anh, Hoa Kỳ và các nước khác đưa ra kết quả rằng các phương pháp như nghiên cứu ngầm (covert

research) và nghiên cứu trực tuyến (online research) chưa được các ủy ban/hội đồng đạo đức nghiên cứu hiểu rõ và hỗ trợ đầy đủ. Do vậy, nhiều nhà nghiên cứu thực sự bất mãn với các ủy ban/hội đồng đạo đức nghiên cứu cũng như quy trình đánh giá đạo đức hiện hành. Các quy trình này thường bị ảnh hưởng bởi những xung đột giá trị giữa các nhà nghiên cứu và các nhà quản trị đại học. Bên cạnh đó, mô hình đánh giá đạo đức được cho là quá tập trung vào việc tuân thủ quy định thay vì hỗ trợ thực hành nghiên cứu có đạo đức. Trong bối cảnh số hóa nghiên cứu, Morris (2016) đã chỉ ra rằng các ủy ban/hội đồng đạo đức nghiên cứu hiện chưa đủ kiến thức và hướng dẫn để xử lý các vấn đề phức tạp liên quan đến nghiên cứu trực tuyến.

2.2. Thách thức trong việc xây dựng và sử dụng bộ quy tắc đạo đức phù hợp

Có một số yếu tố như áp lực xuất bản, mong muốn đạt được danh tiếng hoặc tài trợ có thể thúc đẩy hành vi thiếu đạo đức trong nghiên cứu. Tuy vậy, việc áp dụng các quy tắc đạo đức giữa các lĩnh vực khác nhau của khoa học xã hội thiếu đồng nhất; điều này có thể dẫn đến những hiểu lầm và vi phạm đạo đức (Prakash 2021). Một số hiệp hội nghề nghiệp của các quốc gia đã công bố các tiêu chuẩn hoặc quy tắc đạo đức trên trang web của họ dành cho các chuyên gia trong lĩnh vực nghề nghiệp. Một vài ví dụ như: Ở Hoa Kỳ, quy tắc đạo đức của các nhà tâm lý học và quy tắc ứng xử, viết năm 2002, đăng trên: www.apa.org/ethics; Quy tắc đạo đức của Hiệp hội Xã hội học Hoa Kỳ, được thông qua năm 1997, đăng trên: www.asanet.org; Quy tắc đạo đức của Hiệp hội Nhân học Hoa Kỳ, được phê duyệt vào tháng 6 năm 1998, đăng trên: www.aaanet.org; Tiêu chuẩn đạo đức của Hiệp hội Nghiên cứu giáo dục Hoa Kỳ, công bố năm 2002, đăng trên: www.aera.net; Quy tắc đạo đức của Hiệp

hội Y tá Hoa Kỳ, được phê duyệt vào tháng 6 năm 2001, đăng trên: www.ana.org (Creswell và cộng sự 2018). Nhiều trường đại học trên thế giới có xu hướng lấy bộ các quy tắc đạo đức do Hiệp hội nghề nghiệp của Hoa Kỳ đề xuất. Tuy nhiên, khi áp dụng cứng nhắc vào trong các bối cảnh văn hóa và xã hội khác nhau, một số hướng dẫn thực hành đạo đức nghiên cứu chưa phù hợp. Các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội có thể ảnh hưởng lớn đến kết quả nghiên cứu và niềm tin của công chúng vào khoa học (Prakash 2021). Đây cũng là một thách thức lớn cho các trường đại học ở Việt Nam trong việc lựa chọn bộ quy tắc đạo đức phù hợp, có thể bao phủ cho tất cả các khối ngành mà trường đang đào tạo. Thách thức này sẽ được bàn sâu hơn trong trường hợp của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn ở phần sau.

2.3. Thách thức trong nhận thức về đạo đức nghiên cứu ở các nền văn hóa

Mặc dù thực hành đạo đức luôn diễn ra thường xuyên trong các hoạt động đời sống hàng ngày ở cả xã hội phương Đông lẫn phương Tây, nhưng áp dụng và thực hành có hiệu quả đạo đức trong nghiên cứu đã khá phổ biến ở các trường đại học ở phương Tây nhưng lại là vấn đề còn khá mới mẻ ở các trường đại học thuộc các quốc gia phương Đông (Kara, 2018). Macfarlane và cộng sự (2008) đã tìm hiểu nhận thức của giảng viên về đạo đức nghiên cứu và phát hiện ra rằng tại Nhật Bản, nhiều giảng viên cho rằng đạo đức nghiên cứu là một khái niệm tương đối mới và họ chỉ bắt đầu nhận thức được tầm quan trọng của nó sau một số vụ bê bối nghiên cứu. Ngay cả giảng viên cũng gặp khó khăn trong việc xác định các vấn đề đạo đức trong thực tiễn nghiên cứu của mình, với những lo ngại về việc thu thập và phân tích dữ liệu, quản lý quỹ nghiên cứu, và quan hệ với các đối tượng nghiên cứu và

sinh viên cao học. Các giá trị cá nhân và văn hóa được lồng ghép trong thực hành đạo đức trong nghiên cứu như trung thực, tôn trọng và trách nhiệm xã hội được nhấn mạnh, cùng với tầm quan trọng của sự hài hòa nhóm và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Trên thực tế, không phải giảng viên và sinh viên nào cũng có thể biết và hiểu về đạo đức nghiên cứu. Trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục và công bố, nhiều yêu cầu khắt khe về thực hành nghiên cứu và công bố đã được đưa thành các quy chuẩn buộc các cơ sở giáo dục và nghiên cứu phải tuân thủ. Do vậy, các quốc gia đang phát triển đang cố gắng theo học các nước có bề dày áp dụng đạo đức nghiên cứu. Nghiên cứu của Gul và cộng sự (2018) nhằm đánh giá nhận thức cũng như thực hành đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội tại các trường đại học công lập ở Pakistan đã đưa ra kết quả đáng chú ý. Phần lớn sinh viên có mức độ nhận thức về thực hành đạo đức thấp đến trung bình. Chỉ có 19% sinh viên có mức độ nhận thức cao về đạo đức nghiên cứu. Điều này đã tác động đến chất lượng nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu thể hiện rằng sinh viên nhận thức rõ về các nguyên tắc đạo đức thường có chất lượng nghiên cứu tốt hơn. Ở Việt Nam, nghiên cứu của Bùi Trần Quỳnh Ngọc và cộng sự (2023) về việc tuân thủ đạo đức nghiên cứu khoa học của học viên cao học tại Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy các học viên cao học đã tuân thủ khá tốt các quy định về đạo đức nghiên cứu nhưng vẫn vấp phải một số lỗi phổ biến về sử dụng các công cụ nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu. Điều này là do học viên chưa hiểu biết đầy đủ về những quy chuẩn đạo đức nghiên cứu.

2.4. Thách thức trong bối cảnh số hóa và nghiên cứu trực tuyến

Một số phương pháp tiếp cận truyền thống xem đạo đức nghiên cứu chỉ liên quan

đến bảo vệ người tham gia nghiên cứu, trong khi các phương pháp tiếp cận phê phán (như kiến tạo luận xã hội hay hậu hiện đại) nhấn mạnh đến tác động xã hội rộng lớn hơn của nghiên cứu. Cụ thể là việc thiết lập tiêu chuẩn nghiên cứu mới có thể ảnh hưởng đến cộng đồng học thuật. Kết quả nghiên cứu có thể bị sử dụng hoặc diễn giải sai bởi các nhóm quyền lực (chính trị, kinh tế), đặc biệt trong các nghiên cứu về chính sách công. Nghiên cứu thiếu đạo đức có thể gây tổn hại cho các nhóm yếu thế, làm gia tăng bất bình đẳng hoặc củng cố quyền lực của các nhóm thống trị. Bên cạnh đó, công nghệ số hóa đã làm thay đổi cách thu thập, phân tích và phổ biến dữ liệu, tạo ra các vấn đề đạo đức mới về quyền riêng tư, tính minh bạch và sự đồng thuận của người tham gia nghiên cứu (Payne 2000). Trong bối cảnh số hóa ngày nay, các nhà nghiên cứu sử dụng nhiều phần mềm và các công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ nghiên cứu. Alkaramneh (2025) đã chỉ ra tầm quan trọng của các nguyên tắc đạo đức khi sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI – Artificial Intelligence), bao gồm tính tin cậy của dữ liệu, sự riêng tư, sự công bằng - những yếu tố đặc biệt quan trọng trong khoa học xã hội và nhân văn. Nghiên cứu của Morris (2016) cũng chỉ ra khoảng chênh giữa các quy tắc đạo đức nghiên cứu hiện thời với các vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện nghiên cứu trong bối cảnh số hóa. Các nguyên tắc đạo đức cơ bản như tự chủ, lợi ích, không gây hại, bảo mật, và tính toàn vẹn đều áp dụng cho nghiên cứu trực tuyến, nhưng cần được điều chỉnh để phù hợp với các thách thức mới do có khoảng cách đáng kể giữa thực tiễn nghiên cứu và các hướng dẫn đạo đức hiện có, đặc biệt là khi các nghiên cứu sử dụng phương pháp trực tuyến. Các ủy ban đạo đức nghiên cứu hiện chưa đủ kiến thức và hướng dẫn để xử lý các vấn đề phức tạp liên quan đến nghiên cứu trực tuyến. Östman và cộng sự (2016) nhận định rằng các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong

nghiên cứu trực tuyến cần được mở rộng và điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh đặc thù của internet. Nghiên cứu của ông cũng cho kết quả có sự khác biệt lớn trong nhận thức và thực hành đạo đức giữa các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, đặc biệt là giữa các nhà nghiên cứu định lượng và định tính.

Tóm lại, có rất nhiều thách thức đối với các vấn đề xoay quanh tổ chức giám sát các vấn đề đạo đức cũng như việc thực hành đạo đức trên thực tế của các nhà nghiên cứu trong các bối cảnh khác nhau. Nhiều chiến lược đã được đưa ra và áp dụng nhằm cải thiện tình trạng này. Bài viết này tập trung vào chiến lược hỗ trợ trực tiếp cho các nhà nghiên cứu, nhất là trong giai đoạn đầu của sự nghiệp khoa học, đó là nhóm sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh.

3. Chiến lược đào tạo và tư vấn đạo đức trong nghiên cứu

Nhiều chiến lược lồng ghép đạo đức nghiên cứu vào trong đào tạo và nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đã được thực hiện nhằm cải thiện nhận thức về đạo đức và thúc đẩy sự tham gia, thảo luận về các vấn đề đạo đức giữa học viên và giảng viên (Hildt và cộng sự 2019). Tuy nhiên, trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, các thí nghiệm ít khi được tiến hành. Do vậy, các phương pháp khác được áp dụng. Phương pháp được cho là hiệu quả nhất chính là giáo dục về đạo đức nghiên cứu. Lategan (2014) đề xuất một khái niệm “giáo dục đạo đức nghiên cứu” với những nội dung liên quan đến chuỗi giá trị nghiên cứu, bao gồm quy trình nghiên cứu, đạo đức và sự liêm chính, chuyển giao công nghệ, đổi mới, và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Nghiên cứu của Hildt và cộng sự (2019) cho thấy sự tích hợp giáo dục đạo đức vào các phòng thí nghiệm nghiên cứu, giúp học viên cao học được trang bị thông tin và cải thiện thực hành đạo

đức trong các môi trường nghiên cứu. Tương tự, nghiên cứu của McGinn và cộng sự (2004) về tích hợp giáo dục đạo đức nghiên cứu vào chương trình đào tạo sau đại học trong ngành địa lý đã ghi nhận việc tăng nhận thức đối với học viên về các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu và cung cấp cho họ các kỹ năng để có thể xử lý các tình huống đạo đức phức tạp. Ngoài ra, nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giảng dạy đạo đức thông qua các hoạt động thực hành liên quan đến chuyên ngành. Tang và cộng sự (2020) cũng khẳng định tầm quan trọng của việc cung cấp một khóa học về đạo đức nghiên cứu cho một nhóm học viên cao học liên ngành, nhằm trang bị cho họ các nguyên tắc giúp đưa ra các quyết định đúng đắn ở khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu khoa học và đối phó với các tình huống đạo đức phức tạp. Các tác giả này nhấn mạnh sự cần thiết của giáo dục đạo đức trong nghiên cứu để đảm bảo tính toàn vẹn trong nghiên cứu khoa học và tuân thủ các quy chuẩn nghề nghiệp.

Fisher và cộng sự (2009) đánh giá cách mà các chương trình sau đại học về tâm lý học ở Hoa Kỳ đã truyền đạt các giá trị về đạo đức trong nghiên cứu có trách nhiệm cho sinh viên. Nghiên cứu đưa ra nhận định rằng trải nghiệm nghiên cứu, sự hướng dẫn từ giảng viên hướng dẫn, và chính sách của khoa đều có vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị cho sinh viên khả năng thực hiện nghiên cứu có trách nhiệm. Những sinh viên được hướng dẫn về nghiên cứu có trách nhiệm cộng với hiểu các quy định rõ ràng từ đơn vị đào tạo có cảm giác tự tin hơn về tính liêm chính của ngành tâm lý học. Tuy nhiên, có một số sinh viên cảm thấy môi trường khoa chưa đủ hỗ trợ cho các hành vi nghiên cứu có trách nhiệm. Ở Hoa Kỳ, trong năm 2001, hai phần ba các chương trình đào tạo không liệt kê bất kỳ khóa học nào về đạo đức nghiên cứu. Đến năm 2003, số lượng

này đã giảm xuống còn hai phần năm. Mặc dù vậy, hầu hết các khóa học này có số tín chỉ rất thấp hoặc không có tín chỉ và thường được thiết kế chỉ để tuân thủ yêu cầu của Viện Y tế quốc gia thay vì đào tạo thực chất về đạo đức (Smith-Doerr 2006). Tang và cộng sự (2020) khi nghiên cứu về khóa học về đạo đức nghiên cứu dành cho học viên cao học liên ngành tại Đại học Quốc gia Singapore đã nhận thấy 90% học viên cho rằng cần thiết phải tích hợp một khóa học đạo đức nghiên cứu vào chương trình học sau đại học để hỗ trợ việc đào tạo nghiên cứu và viết luận văn. Mặc dù nhiều người cho rằng giáo dục đạo đức nghiên cứu có thể tăng cường nhận thức và giảm thiểu hành vi sai trái trong nghiên cứu, nhà nghiên cứu đề xuất thay đổi cách giảng dạy đạo đức nghiên cứu, đặc biệt là cần có định nghĩa rõ ràng về hành vi sai trái và các hậu quả liên quan. Bên cạnh đó, việc giảng dạy đạo đức nghiên cứu nên tách biệt các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để phù hợp với các tình huống đạo đức cụ thể trong từng lĩnh vực (Olesen và cộng sự 2019).

Một chiến lược khác là tăng cường các dịch vụ tư vấn về đạo đức nghiên cứu. Ví dụ, nghiên cứu được thực hiện tại Đại học Stanford và bảy trường đại học khác tại Hoa Kỳ, với sự tham gia của các nhà nghiên cứu từ nhiều khoa khác nhau liên quan đến khoa học y sinh nhằm xác định sự nhận thức của các nhà khoa học y sinh về sự cần thiết và tính hữu dụng của dịch vụ tư vấn đạo đức nghiên cứu cũng như tìm hiểu xem các nhà nghiên cứu này có tìm kiếm lời khuyên để giải quyết các vấn đề đạo đức, xã hội hoặc chính sách trong công việc nghiên cứu của họ hay không. Kết quả nghiên cứu thể hiện rằng các nhà nghiên cứu khoa học y sinh thực sự gặp phải và dự đoán sẽ gặp phải các câu hỏi và lo ngại về đạo đức và xã hội, đặc biệt là các nhà nghiên cứu lâm sàng. Khoảng một nửa trong số nhà nghiên cứu được khảo

sát cho biết họ thấy dịch vụ tư vấn đạo đức nghiên cứu tại cơ sở của họ sẽ hữu ích ở mức độ từ trung bình đến rất hữu ích.

Tóm lại, các thách thức trong đạo đức nghiên cứu không chỉ giới hạn trong việc tuân thủ các quy định mà còn liên quan đến sự thay đổi trong nhận thức, quy trình phê duyệt, và bối cảnh số hóa. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết về việc cải thiện chiến lược đào tạo và tư vấn đạo đức nghiên cứu nhằm hỗ trợ các nhà nghiên cứu trong việc thực hành nghiên cứu có trách nhiệm và phù hợp với chuẩn mực đạo đức khoa học. Trong bối cảnh này, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã có những bước đi quan trọng trong việc thiết lập và vận hành hội đồng đạo đức nghiên cứu nhằm đảm bảo thực hiện các nghiên cứu khoa học có trách nhiệm. Phần tiếp theo của bài viết này sẽ trình bày về sự thành lập hội đồng đạo đức nghiên cứu, các quy định, quy trình hoạt động của cũng như những thách thức cụ thể trong quá trình thực hành đạo đức nghiên cứu tại trường.

4. Thực hành đạo đức nghiên cứu tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

4.1. Bối cảnh, tổ chức và triển khai đạo đức nghiên cứu

Trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam ngày càng chú trọng đến nghiên cứu khoa học bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, đạo đức nghiên cứu là một trong những vấn đề được đặc biệt quan tâm. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn là một trong số ít các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam thành lập hội đồng đạo đức nghiên cứu. Do vậy, bài viết lấy Trường đại học này làm trường hợp nghiên cứu nhằm chỉ rõ bối cảnh, quá trình hình thành, vận hành và

trọng tâm nhất là những thách thức mà cơ sở đào tạo này đang phải đối mặt nhằm cung cấp góc nhìn thực tiễn về mô hình thực hiện đạo đức nghiên cứu; từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm cải thiện việc thực hành đạo đức nghiên cứu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Nghiên cứu này tìm hiểu các vấn đề: Hội đồng Đạo đức nghiên cứu của trường được thành lập và hoạt động như thế nào? Quy trình xét duyệt đạo đức nghiên cứu của trường có những đặc điểm gì? Những thách thức nào tồn tại trong quá trình triển khai xét duyệt và thực hành đạo đức nghiên cứu? Nhận thức và trải nghiệm của các bên liên quan (giảng viên, quản lý cấp khoa, giáo vụ hỗ trợ người học chương trình sau đại học cũng như học viên, nghiên cứu sinh) về quy trình xét duyệt đạo đức nghiên cứu ra sao?

Nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, với công cụ thu thập tài liệu sẵn có và phỏng vấn với các bên liên quan. Các tài liệu được sử dụng bao gồm các quyết định thành lập Hội đồng Đạo đức nghiên cứu và các văn bản liên quan. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 10 người đại diện cho các nhóm liên quan, gồm có: 02 học viên cao học (PVS01 & PVS02), 02 nghiên cứu sinh (PVS03 & PVS 04), hai giáo vụ sau đại học cấp khoa (PVS05 & PVS06), hai quản lý cấp khoa (PVS07 & PVS08) và hai giảng viên (PVS09 & PVS10). Các cuộc phỏng vấn tập trung vào các nội dung liên quan đến quan điểm, trải nghiệm thực tế của họ đối với các quy định và quy trình xét duyệt hồ sơ đạo đức nghiên cứu và được thực hiện vào tháng 01 năm 2025 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Lịch sử hình thành Hội đồng Đạo đức nghiên cứu (Ethical Research Board – ERB) của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, các nguyên tắc đạo đức cơ bản, quy trình nộp hồ sơ xét duyệt, biểu mẫu

được trình bày trên trang web <http://hcmussh.edu.vn/erb>. Ngày 30/12/2021, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã ban hành Quyết định số 905/QĐ-XHNV-TCCB về việc quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thiết lập và vận hành cơ chế xét duyệt đạo đức nghiên cứu trong toàn trường. Theo Quyết định này, đối tượng áp dụng bao gồm viên chức và người lao động đang công tác tại trường; nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên, học viên thuộc các hệ đào tạo và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu. Hội đồng đạo đức nghiên cứu được thành lập nhằm mục tiêu xem xét các khía cạnh đạo đức của các nghiên cứu liên quan đến con người. Hội đồng còn có chức năng tư vấn, giám sát các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp và sự an toàn của những người tham gia vào cuộc nghiên cứu. Các nguyên tắc hoạt động của đạo đức nghiên cứu bao gồm: (i) Nguyên tắc tôn trọng các cá nhân; (ii) Nguyên tắc hướng thiện và tránh hại; (iii) Nguyên tắc công bằng; (iv) Nguyên tắc trung thực, chính xác và liêm chính khoa học và (v) Những nguyên tắc khác. Mục đích chính của nhà trường khi thành lập hội đồng đạo đức nghiên cứu là để đẩy mạnh nhận thức và thực hành đạo đức nghiên cứu của giảng viên và người học cũng như hỗ trợ công bố quốc tế vì nhiều tạp chí uy tín trên thế giới yêu cầu phải nộp xác nhận phê duyệt đạo đức của nghiên cứu mà họ trình bày trong bài viết gửi tạp chí. Tổng số thành viên là 17, trong đó có một chủ tịch, một phó chủ tịch, một thư ký và 14 thành viên, là những người am hiểu về đào tạo và nghiên cứu cũng như đạo đức nghiên cứu từ các khối ngành khác nhau.

Châu Huy Ngọc và cộng sự (2023) đề xuất rằng các trường đại học tại Việt Nam cần có các hội đồng đạo đức nghiên cứu

nhằm đảm bảo tính liêm chính và đạo đức trong nghiên cứu. Ở Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn là một trong số ít các cơ sở giáo dục đại học có hội đồng đạo đức nghiên cứu như đã đề cập ở trên. Ngoài việc hỗ trợ xét duyệt đạo đức nghiên cứu cho các đề tài của học viên, nghiên cứu sinh cũng như các giảng viên, nghiên cứu viên của trường, Hội đồng cũng thực hiện dịch vụ cho các cá nhân/tổ chức có nhu cầu. Tuy nhiên, quá trình xét duyệt đạo đức nghiên cứu của trường còn đi theo hướng định hướng các nhà nghiên cứu hạn chế khả năng vi phạm đạo đức nghiên cứu, những giải thích cụ thể chưa được đưa ra. Quan trọng hơn là, các nhà nghiên cứu chưa rõ dựa vào những cơ sở nào mà các hồ sơ được phê duyệt. Quy trình xét duyệt hồ sơ của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu của trường gồm các bước: (i) Chủ nhiệm đề tài chuẩn bị hồ sơ trình trường đơn vị xem xét và đề xuất chủ nhiệm đề tài trình Hội đồng Đạo đức nghiên cứu nêu cần thiết. Các văn bản trong hồ sơ bao gồm: Bản tóm tắt nghiên cứu, Công cụ nghiên cứu, Phụ lục kèm theo và Giấy xác nhận cấp đơn vị thông qua đề tài. (ii) Chủ nhiệm đề tài nộp hồ sơ đăng ký trực tuyến và được xét duyệt thông qua Hội đồng tư vấn chuyên môn. (iii) Hội đồng Đạo đức nghiên cứu ra Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn chuyên môn để xét duyệt hồ sơ đăng ký. Nếu hồ sơ nào không đạt yêu cầu thì phải điều chỉnh và nộp lại cho thư ký của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu để được xét duyệt lại từ đầu hoặc phải xét duyệt thông qua Hội đồng tư vấn. (iv) Chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa theo đề nghị của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu và nộp lại cho Hội đồng xem xét trước khi chính thức thông qua. Nếu chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa không đạt theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn thì sẽ phải bắt đầu lại từ Bước 1. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu, Hội đồng Đạo đức nghiên cứu cấp Giấy chứng nhận đề tài đảm bảo về đạo đức nghiên cứu.

Ngày 14/4/2022, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn ra Thông báo số 288/XHNV-ĐN&QLKH về việc áp dụng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu, nhấn mạnh đến việc các đề tài luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở sẽ được áp dụng thí điểm bắt đầu từ ngày 05/5/2022 (tính từ thời điểm các đề tài của luận văn, luận án và nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được xét duyệt thực hiện). Thông tin trên trang web thể hiện: năm 2022, có hai đề tài đã được phê duyệt đạo đức nghiên cứu, trong đó có một đề tài thuộc đơn vị trong trường; Năm 2023, có 14 đề tài đã được phê duyệt đạo đức nghiên cứu, trong đó có 09 đề tài thuộc đơn vị trong trường; Đến tháng 9 năm 2024, có 19 đề tài đã được phê duyệt đạo đức nghiên cứu, trong đó có 12 đề tài thuộc đơn vị trong trường. Hầu hết các đề tài được phê duyệt đạo đức nghiên cứu đều là các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên trong và ngoài trường. Nhà trường yêu cầu bắt đầu từ năm học 2023-2024, tất cả các đề tài phục vụ cho viết luận văn và luận án của các khóa đầu vào năm 2022 đều cần được xét duyệt đạo đức nghiên cứu. Các biểu mẫu của hồ sơ đạo đức nghiên cứu cấp đơn vị chuyên môn bao gồm: (i) Biên bản kiểm tra hồ sơ đạo đức nghiên cứu; (ii) Tóm tắt nghiên cứu; (iii) Giấy cung cấp thông tin cho khách thể; (iv) Giấy đồng ý tham gia vào nghiên cứu; (v) Biên bản họp hội đồng xét duyệt đạo đức nghiên cứu; (vi) Giấy xác nhận phê duyệt đạo đức nghiên cứu và (vii) Bộ công cụ thu thập thông tin. Trong Biên bản kiểm tra hồ sơ đạo đức nghiên cứu, trong phần Xem xét miễn trừ xét duyệt đạo đức nghiên cứu tại cấp đơn vị chuyên môn, nếu nghiên cứu không thu thập dữ liệu từ con người thì được miễn xét duyệt đạo đức nghiên cứu.

4.2. Thực tiễn vận hành và các thách thức trong thực hành đạo đức nghiên cứu

Đối với luận văn thạc sĩ, các khoa thường tổ chức bảo vệ đề cương kết hợp với xem xét các vấn đề đạo đức nghiên cứu. Một quản lý cấp khoa cho biết “Khoa nhận hồ sơ đăng ký bảo vệ đề cương luận văn và tổ chức cho các học viên bảo vệ đề cương. Các học viên được Tiểu ban Xét duyệt đề cương nhận xét và tư vấn về lý thuyết, phương pháp thực hiện đề tài cũng như ghi nhận đề xuất giảng viên hướng dẫn từ phía học viên. Sau đó, Trưởng khoa hay Trưởng bộ môn sẽ duyệt đề xuất này hoặc mời giảng viên hướng dẫn. Như vậy, trong lúc làm đề cương, hầu hết các học viên chưa được chính thức làm việc trực tiếp với giảng viên hướng dẫn và chưa thể hoàn thiện đề cương cũng như chưa thể nộp bộ công cụ thu thập thông tin (bản hoàn thiện, được sử dụng để khảo sát thực địa). Khoa đứng trước hai lựa chọn: một là tổ chức riêng một buổi thẩm định đạo đức nghiên cứu với mức thù lao hạn chế cho giảng viên và yêu cầu thêm thời gian xử lý; hai là chuyển hồ sơ lên Hội đồng đạo đức nghiên cứu cấp Trường để xem xét.” Thời gian đào tạo thạc sĩ chỉ diễn ra trong vòng hai năm, trong đó ba học kỳ đầu học viên tham gia các khóa học, một học kỳ dành cho việc thực hiện đề cương và sau đó là luận văn. Nếu học viên muốn hoàn thành đúng thời hạn, họ phải nỗ lực viết đề cương và soạn bộ thu thập công cụ thu thập thông tin chất lượng và chú ý đến tiến trình thực hiện hồ sơ đạo đức nghiên cứu.

Đối với bậc tiến sĩ, thời gian đào tạo là ba năm, nghiên cứu sinh có thể gia hạn thời gian tối đa thêm ba năm. Do vậy, họ có nhiều thời gian hơn trong việc sắp xếp bảo vệ đạo đức nghiên cứu của đề tài. Trong khi một số khoa (có các nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh không thực hiện khảo sát trực tiếp với con người) có xu

hướng chọn đi theo quy trình: Bảo vệ đề cương kèm với đạo đức nghiên cứu, sau đó đến bảo vệ tiểu luận tổng quan và các chuyên đề như: cơ sở lý luận và phương pháp luận và các chuyên đề thể hiện kết quả nghiên cứu thì các khoa thường thực hiện các đề tài khảo sát trực tiếp với con người lại đi theo các bước: bảo vệ tiểu luận tổng quan, chuyên đề cơ sở lý luận và phương pháp luận, bảo vệ đề cương kèm đạo đức nghiên cứu, sau đó bảo vệ các chuyên đề về kết quả nghiên cứu chính. Sở dĩ có sự khác biệt này là do những khoa ít có các nghiên cứu trực tiếp với con người, chủ yếu làm việc với văn bản hay các đồ tạo tác như khối khoa Khu vực học, Ngoại ngữ, Văn học, Sử học, v.v. ít có khả năng rủi ro đến người tham gia nghiên cứu; nhưng các khoa có nhiều nghiên cứu trực tiếp với con người và đặc biệt với các nhóm yếu thế như Xã hội học, Tâm lý học, Công tác xã hội, Giáo dục, v.v. phải chuẩn bị các phương án quản lý cho cả quá trình nghiên cứu nhằm bảo vệ sự an toàn cho người tham gia nghiên cứu. Những người quản lý lo ngại khả năng xảy ra những tình huống đạo đức phức tạp mà người học có thể chưa hình dung ra nếu chưa làm tốt công đoạn thiết kế, tiếp cận mẫu (là con người) và đặc biệt là soạn các nội dung khảo sát những người tham gia.

Từ khi ra quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu đến cuối năm 2023, các hoạt động về phổ biến tri thức và hướng dẫn thực hành đạo đức nghiên cứu còn khá hạn chế. Từ đầu năm 2024, nhà trường đã tổ chức một số buổi tọa đàm về đạo đức nghiên cứu và lên kế hoạch tập huấn cho các giảng viên và học viên cao học. Tuy nhiên, số lượng người tham dự còn hạn chế so với tổng số giảng viên và học viên cao học, nghiên cứu sinh. Nội dung của các buổi tập huấn này còn khá chung chung. Nhiều giảng viên dù đã làm việc lâu năm trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu vẫn

chưa hình dung ra được các vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên cứu phức tạp; do vậy, lúng túng trong việc xét duyệt hồ sơ về đạo đức nghiên cứu. Một vấn đề cũng cần chú ý đó là, gần đây, các học viên hay nghiên cứu sinh đã bắt đầu nộp đề cương kèm hồ sơ bảo vệ đạo đức nghiên cứu. Những khoa thường thực hiện các nghiên cứu không liên quan tới khảo sát trực tiếp với con người “nhẹ nhàng hơn” trong việc xét duyệt hồ sơ đạo đức nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh; ngược lại, các khoa khác vẫn đang tiến hành triển khai nhưng hướng dẫn thực hành từ trường chưa thực sự cụ thể cho các tình huống đạo đức có khả năng phát sinh trong quá trình thu thập, xử lý, lưu trữ và phổ biến dữ liệu nào từ trường. Một số vấn đề đã nảy sinh như: nhân lực cấp khoa chưa đủ hiểu biết về đạo đức nghiên cứu để có thể xét duyệt tất cả hồ sơ của các cuộc nghiên cứu và có khả năng đề xuất người học nộp hồ sơ lên cấp trường; nếu thành lập các hội đồng xét đạo đức nghiên cứu ở cấp khoa thì thù lao cho các thành viên còn rất thấp, trong khi để có thể xét duyệt các hồ sơ, các thành viên phải là những người rất am hiểu về lĩnh vực này và phải đọc rất nhiều tài liệu trong hồ sơ đạo đức nghiên cứu. Hiện nay, Hội đồng Đạo đức nghiên cứu của trường chỉ có 17 thành viên. Nếu nhiều hồ sơ cấp khoa không thể giải quyết, phải gửi lên cấp trường thì sẽ không đủ nhân lực thực hiện việc xét duyệt này.

Những người tham gia nghiên cứu chia sẻ, về những vấn đề mang tính thách thức, cần được cải thiện trong quá trình thực hiện áp dụng đạo đức nghiên cứu, cả đối với cấp trường, cấp khoa và những người học. Đầu tiên đó chính là sự phối hợp để quản lý đạo đức nghiên cứu giữa cấp khoa và cấp trường. Nhà trường hướng dẫn các khoa chủ động tổ chức cho người học bảo vệ đạo đức nghiên cứu ở cấp khoa và đề xuất lên trường những trường hợp mà cấp khoa không giải quyết được. Tuy nhiên, nhà trường chưa có

hướng dẫn cụ thể về việc xác định những hồ sơ nào có thể gửi lên xét duyệt cấp trường. Bên cạnh đó, để hoàn thiện hồ sơ, nhà nghiên cứu và khoa phải làm việc với nhiều phòng liên quan. Cụ thể là, đề cương nghiên cứu, hồ sơ đạo đức nghiên cứu phải nộp về khoa và sau đó khoa chuyển sang phòng Quản lý đào tạo, xin phép được tổ chức tiểu ban xét duyệt. Sau khi tiểu ban cấp khoa được thông qua, các khoa phải làm tờ trình và gửi hồ sơ đạo đức nghiên cứu của người học với bộ công cụ thu thập thông tin bản hoàn thiện về phòng Đối ngoại và Quản lý khoa học thẩm định và thông qua. Điều này làm cho khoa và học viên, nghiên cứu sinh bị động về thủ tục lẫn thời gian vì đây là những đề tài của luận văn và luận án tiến sĩ. Theo thông tin được phổ biến trong hội thảo về đạo đức nghiên cứu, một nghiên cứu sinh năm hai đang học tại Khoa Giáo dục lo lắng và chia sẻ khi nghe từ lãnh đạo nhà trường phổ biến rằng “nếu hồ sơ đưa lên cấp trường thì nhà trường không giải quyết liền cho từng hồ sơ mà sẽ gom một số hồ sơ rồi xét duyệt, có thể làm chậm quá trình thực hiện luận án (PVS03)”.

Ba người tham gia nghiên cứu, bao gồm nghiên cứu sinh (PVS04) và giảng viên khoa Văn hóa học và khoa Xã hội học (PVS09 & PVS10), cho rằng hiện thời có khá nhiều biểu mẫu. Nếu trường hợp nhà nghiên cứu không có nhu cầu công bố quốc tế thì nên giảm bớt các biểu mẫu. Ví dụ như ở Việt Nam, nếu nhà nghiên cứu đưa giấy Đồng ý tham gia vào nghiên cứu cho người tham gia ký xác nhận thì họ sẽ ngại khi tham gia vào nghiên cứu và ảnh hưởng đến lòng tin của người tham gia mặc dù nhà nghiên cứu cam kết ẩn danh người trả lời. Việc thanh toán thù lao cho người phê duyệt đạo đức nghiên cứu cũng là một vấn đề được quan tâm. Một nghiên cứu sinh của Khoa Xã hội học cho rằng “nếu như bảo vệ đề cương không cùng với bảo vệ đạo đức nghiên cứu

thì khoa tổ chức như thế nào và thanh toán ra sao. Dù trong hội thảo về đạo đức nghiên cứu, một thành viên đã trả lời nhưng luôn nhắc đi nhắc lại là tùy tình hình thực tế nhưng lại không có hướng dẫn cụ thể” (PVS04).

Các giảng viên và người học có chung nhận định rằng các buổi hội thảo về đạo đức nghiên cứu được trường tổ chức khá nhiều. Tuy nhiên, người tham dự mong muốn được nghe và trao đổi bởi đa dạng các thành viên khác trong Hội đồng Đạo đức nghiên cứu hơn là sự trình bày với nội dung lặp đi lặp lại của một vài thành viên. Người học đều kỳ vọng các buổi tọa đàm hay hội thảo về đạo đức nghiên cứu cần tập trung vào những tình huống cụ thể có thể xảy ra và hướng dẫn nhà nghiên cứu cách xử lý hơn là việc phổ biến những thông tin chung về đạo đức nghiên cứu vì thông tin này dễ được cập nhật trong thời đại ngày nay. Các thông tin cung cấp bởi các thành viên trong hội đồng đôi lúc còn thiếu thống nhất, làm cho người nghe lúng túng trong cách hiểu và thực hành. Nghiên cứu sinh khoa Xã hội học (PVS04) cho rằng “trong các buổi hội thảo về đạo đức nghiên cứu, các thành viên của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu chỉ hướng dẫn thủ tục là chính, lưu ý phê duyệt trước ngày đi thu thập số liệu. Những giải thích chưa rõ từ phía Hội đồng Đạo đức nghiên cứu về việc trong trường hợp nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã được phê duyệt, tuy nhiên, trong quá trình đi thu thập dữ liệu, họ thay đổi nội dung khảo sát và đã thu thập dữ liệu rồi thì xử lý như thế nào. Có thành viên trả lời đề nghị cho cập nhật mà không cần làm lại hồ sơ phê duyệt, trong khi người khác lại cho rằng nghiên cứu sinh cần khai báo rõ thời điểm thực hiện khảo sát và không được thu thập thông tin trước khi hồ sơ bảo vệ đạo đức được thông qua”. Một giáo vụ sau đại học (PVS06) đồng quan điểm khi chia sẻ thông tin “thành viên hội

đồng đạo đức cho rằng học viên hay nghiên cứu sinh trình bày đề tài đã thu thập dữ liệu rồi nhưng đạo đức nghiên cứu chưa được thông qua nên dữ liệu đó không được sử dụng. Thành viên khác lại cho rằng những nhà nghiên cứu nào đã thực hiện nghiên cứu rồi thì cứ để vậy, đề tài không cần thông qua Hội đồng đạo đức. Câu hỏi đặt ra là họ cần phê duyệt đạo đức nghiên cứu trước hay sau khi thu thập dữ liệu”. Việc chưa thống nhất trong phương án giải quyết này làm cho cả người học lẫn quản lý sau đại học cấp khoa lúng túng khi xét duyệt hồ sơ đạo đức nghiên cứu.

Bên cạnh đó, việc thực hành đạo đức nghiên cứu cần đi đúng hướng với bản chất của nó. Một quản lý cấp khoa của khoa Xã hội học (PVS07) cho rằng “đạo đức nghiên cứu xuất phát từ việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, việc xây dựng quy trình đạo đức nghiên cứu của trường hiện nay chỉ chú trọng giai đoạn đầu là thiết kế bộ công cụ. Đồng ý rằng nếu giai đoạn thu thập hay xử lý dữ liệu nếu có làm khác đi thì gọi là vi phạm liêm chính học thuật, nhưng đạo đức nghiên cứu cũng nên quan tâm đến việc làm sao duy trì được giá trị đạo đức đến giai đoạn thu thập và công bố để bảo vệ khách thể”. Ngoài ra, một số trường hợp như trẻ em, người có vấn đề tâm lý, hành vi, v.v. khi khảo sát cần phải có người giám hộ thì quy trình đạo đức nghiên cứu hiện nay yêu cầu ký xác nhận của người giám hộ chứ không phải người tham gia chính. Bên cạnh đó, nhận thức của những người quản lý cấp khoa và thậm chí cấp trường về đạo đức nghiên cứu cũng có sự khác biệt. Một giáo vụ sau đại học cho rằng “đối với công tác phê duyệt, chưa có cái sự đồng bộ ở các khoa. Một số khoa coi trọng công tác này trong khi một số khoa xem đây chỉ là các bước thủ tục về quy trình, họ có tâm thế là đối phó với nhà trường thôi. Điều này đặt ra các thách thức cho Hội đồng Đạo

đức rằng như vậy chúng ta đang đi đúng bản chất là giúp để bảo vệ quyền con người khi tham gia những nghiên cứu khoa học mà khách thể là con người hay không” (PVS05).

Nhìn chung, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã rất nỗ lực trong việc triển khai một hệ thống hỗ trợ người học hiểu và áp dụng đạo đức nghiên cứu. Hội đồng Đạo đức nghiên cứu đã có cảnh báo về các hệ quả khi không tuân thủ đạo đức nghiên cứu nhưng cho đến nay, chưa có quy định cụ thể về việc chế tài các hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu mà chủ yếu hướng vào tinh thần nghiên cứu có trách nhiệm. Việc áp dụng các quy định về đạo đức nghiên cứu đối với đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và đề tài của học viên cao học, nghiên cứu sinh mới chỉ được triển khai trong thời gian gần đây, do đó vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập trong quá trình thực hiện. Đây là cơ sở để bài viết đưa ra những khuyến nghị mang tính giải pháp nâng cao chất lượng của hoạt động này.

5. Kết luận và khuyến nghị

Bài viết đã giới thiệu các vấn đề đạo đức nghiên cứu phổ biến cũng như nhận thức của các nhà nghiên cứu về vấn đề này. Những thách thức trong việc xây dựng bộ quy tắc đạo đức, thách thức về nhận thức học thuật và thách thức khác trong bối cảnh số hóa và nghiên cứu trực tuyến đã được phân tích. Dựa trên những khó khăn này, bài viết đã giới thiệu các chiến lược lồng ghép đạo đức nghiên cứu vào trong chương trình đào tạo và cung cấp các tư vấn hỗ trợ người học giúp họ có đủ khả năng tuân thủ các quy tắc đạo đức nghiên cứu. Lấy trường hợp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn là một trường hợp để phân tích, bài viết đã nêu bật những thách thức điển hình mà

các cơ sở giáo dục đang đổi mới khi thiết lập và vận hành Hội đồng Đạo đức nghiên cứu.

Trên thế giới, sau khi thực hành đạo đức nghiên cứu trong quá trình nghiên cứu, nhiều vấn đề phát sinh; do vậy, nhiều biện pháp đã được đề xuất ở các cơ sở giáo dục đại học ở các nước trên thế giới. Để giải quyết các thách thức về việc sử dụng các quy tắc đạo đức, nhìn chung, các biện pháp phổ biến được áp dụng nhằm cải thiện hoạt động của ủy ban đạo đức nghiên cứu. Kasstan và cộng sự (2023) cho rằng cần tách rời hội đồng đạo đức nghiên cứu khỏi các vấn đề về quản lý thương hiệu và bảo vệ dữ liệu để tập trung vào hỗ trợ đạo đức cho các nhà nghiên cứu. Các hội đồng đạo đức nghiên cứu cần hỗ trợ nhà nghiên cứu một cách liên tục, bao gồm cả sau khi nghiên cứu kết thúc và nên mời các chuyên gia bên ngoài với kinh nghiệm thực tế vào quá trình đánh giá. Bên cạnh đó, tổ chức này cần xem xét và giảm bớt các yêu cầu về các thủ tục và quy trình phức tạp; thay vào đó, tập trung vào việc trao quyền cho cộng đồng tham gia vào quá trình nghiên cứu. Hội đồng đạo đức nghiên cứu nên được định hướng lại để trở thành cơ quan tổ chức các diễn đàn thảo luận về đạo đức nghiên cứu hay hỗ trợ thực hành nghiên cứu tốt, hơn là các cơ quan kiểm soát hành chính. Các quy trình đánh giá đạo đức cần phải linh hoạt hơn để phù hợp với các phương pháp nghiên cứu khác nhau, đặc biệt là nghiên cứu định tính (McAreavey và cộng sự 2011). Cần có sự hỗ trợ liên tục từ các hội đồng đạo đức nghiên cứu để đảm bảo rằng sinh viên có thể áp dụng các nguyên tắc đạo đức một cách hiệu quả (Bos 2020). Các tổ chức giáo dục và nghiên cứu nên xây dựng các chương trình đào tạo về đạo đức nghiên cứu để nâng cao nhận thức và giảm thiểu rủi ro vi phạm (Prakash 2021).

Để giải quyết các thách thức về học thuật, các trường đại học cần xác định vai

trò của các yếu tố đạo đức trong nghiên cứu, mức độ nhận thức của sinh viên về các quy tắc đạo đức, và tác động của thực hành đạo đức lên chất lượng nghiên cứu (Gul và cộng sự 2018). Các diễn đàn đạo đức nên được thiết lập để tăng cường giao tiếp và học hỏi giữa các nhà nghiên cứu có các quan điểm lý thuyết khác nhau (Payne 2000). Việc tăng cường các chương trình nâng cao nhận thức về đạo đức nghiên cứu tại tất cả các trường đại học có thể được thực hiện bằng cách thêm nội dung về đạo đức nghiên cứu vào chương trình học. Cần đưa đạo đức nghiên cứu thành một môn học chính trong chương trình đào tạo, thay vì chỉ là một phần của môn học khác. Giảng dạy đạo đức nghiên cứu nên bắt đầu sớm và được tiếp tục xuyên suốt quá trình nghiên cứu của sinh viên và học giả, bao gồm cả các khóa học nhắc lại thường xuyên. Các trường đại học và cơ sở giáo dục nên tích cực giáo dục và đào tạo sinh viên về đạo đức nghiên cứu từ sớm trong chương trình học của họ. Các trường đại học nên tích hợp các nội dung về đạo đức nghiên cứu vào chương trình giảng dạy một cách sâu rộng hơn, đảm bảo rằng sinh viên sau đại học được đào tạo đầy đủ về các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu và các kỹ năng xử lý tình huống đạo đức (Lategan 2014; Tang và cộng sự 2020). Các trường cũng cần hướng tới việc cung cấp cho sinh viên các công cụ cần thiết để thực hiện các trách nhiệm chuyên môn một cách có đạo đức và thay đổi văn hóa nghiên cứu hướng tới tính toàn vẹn (McGinn và cộng sự 2004). Các chương trình này nên khuyến khích sinh viên suy ngẫm về các vấn đề xã hội và đạo đức trong nghiên cứu, thay vì chỉ tuân thủ hình thức các yêu cầu của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu (Smith-Doerr 2006).

Đào tạo đạo đức không chỉ dành cho các nhà nghiên cứu mà còn cho cả nhân viên hỗ trợ liên quan đến nghiên cứu (Olesen và cộng sự 2019). Bên cạnh đó, nâng cao nhận

thức về đạo đức nghiên cứu còn có thể được thực hiện bằng cách tổ chức thường xuyên các hội thảo, hội nghị về đạo đức nghiên cứu để nâng cao nhận thức và thúc đẩy thực hành đạo đức để ngăn ngừa hành vi sai trái trong nghiên cứu (Gul và cộng sự 2018; Macfarlane và cộng sự 2008; Olesen và cộng sự 2019); đồng thời phát triển các hướng dẫn cụ thể hơn để giúp giảng viên quản lý các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu (Macfarlane và cộng sự 2008). Ngoài ra, các trường đại học nên mở rộng phạm vi hoạt động của các đơn vị phát triển nguồn nhân lực bao gồm các hoạt động xây dựng năng lực và tham gia cộng đồng về đạo đức nghiên cứu (Osungbade và cộng sự 2014). Những hỗ trợ từ các tổ chức tư vấn đạo đức nghiên cứu cũng giúp nâng cao khả năng chuẩn bị của sinh viên cho việc thực hiện nghiên cứu có trách nhiệm và tăng cường niềm tin của họ vào tính liêm chính của ngành (Fisher và cộng sự 2009).

Để giải quyết thách thức trong việc áp dụng các nguyên tắc đạo đức nghiên cứu quốc tế vào các bối cảnh văn hóa và xã hội khác nhau, điều chỉnh các quy trình đạo đức nghiên cứu để phù hợp hơn với bối cảnh văn hóa là điều cần xem xét. Phương pháp nghiên cứu cũng có nhiều thay đổi như tổng hợp tài liệu từ internet, khảo sát trực tuyến nhằm thích ứng với bối cảnh thay đổi; do vậy, xây dựng một khung đạo đức cho nghiên cứu trực tuyến trong bối cảnh giáo dục đại học, khi các phương pháp nghiên cứu qua internet đang ngày càng phổ biến là cần thiết (Morris 2016) và nghiên cứu chính các quy trình đạo đức, đặc biệt trong các dự án nghiên cứu đa ngành và trực tuyến (Östman và cộng sự 2016).

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học, các trường đại học ở Việt Nam muốn tạo uy tín trong hệ thống giáo dục bậc cao phải luôn nỗ lực tự hoàn thiện mình và tuân theo các chuẩn mực

quốc tế; do vậy, việc thiết lập và xây dựng các ủy ban/hội đồng đạo đức nghiên cứu và đưa ra những hướng dẫn thực hành cụ thể, tư vấn, giám sát các quy chuẩn của đạo đức trong nghiên cứu là một điều rất cấp thiết. Tuy nhiên, chỉ một vài trường đại học ở Việt Nam có hội đồng đạo đức và các tổ chức này hầu như mới được thành lập; do vậy, cần có thời gian để học hỏi từ các nước có bề dày về quản lý và thực hành đạo đức nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Đạo đức nghiên cứu nên được áp dụng trong tất cả các lĩnh vực nghiên cứu trực tiếp con người. Các trường đào tạo khoa học xã hội và nhân văn có nhiều ngành nghiên cứu trực tiếp con người; do vậy, việc xây dựng hệ thống ngày càng hoàn thiện, hỗ trợ nhà nghiên cứu thực hành đạo đức nghiên cứu là điều rất cần thiết. Đối với việc nâng cao hoạt động quản lý và hỗ trợ đạo đức nghiên cứu của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, một trong những cơ sở giáo dục đại học đầu tiên trong khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, đã thiết lập và đang vận hành hội đồng đạo đức nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị. Những khuyến nghị này cũng có thể được sử dụng để tham khảo cho các cơ sở giáo dục đại học khác mới hay dự kiến sẽ thành lập hội đồng đạo đức nghiên cứu.

Một là, Hội đồng Đạo đức nghiên cứu cần hoàn thiện hơn về đội ngũ nhân sự. 17 thành viên trong Hội đồng khó có thể đảm nhận hết việc xét duyệt hồ sơ đạo đức nghiên cứu nhanh và hiệu quả vì hầu như các thành viên đều làm công tác công nhiệm khác và khi lượng hồ sơ xét duyệt ngày càng tăng lên. Do vậy, Hội đồng cần tư vấn Ban lãnh đạo nhà trường tăng cường sự hỗ trợ tư vấn và giám sát về đạo đức nghiên cứu từ phía các nhà nghiên cứu khác trong trường – những người am hiểu sâu về đạo đức nghiên cứu và từ phía cộng đồng. Bản thân các

thành viên trong Hội đồng Đạo đức nghiên cứu cũng cần thường xuyên cập nhật những các vấn đề về đạo đức nghiên cứu phát sinh, đặc biệt trong xã hội số hiện nay, nhằm điều chỉnh các hướng dẫn thực hành cho phù hợp với bối cảnh mới.

Hai là, Hội đồng Đạo đức cần nghiên cứu và đưa ra các yêu cầu, hướng dẫn thực hành cụ thể. Hiện nay, nhà trường mới chỉ có các quy tắc đạo đức cơ bản và điều này chưa đủ cơ sở giúp cho các nhà nghiên cứu có thể thực hành thuần thục. Bộ quy tắc đạo đức này có thể áp dụng chung cho các khối ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn để thuận tiện cho việc xét duyệt và thực hành đạo đức nghiên cứu. Bộ quy tắc này cần xem xét các vấn đề đạo đức nghiên cứu trong bối cảnh số hóa nghiên cứu.

Ba là, nhà trường cần cân nhắc tính toán hợp lý công việc xét duyệt hồ sơ đạo đức nghiên cứu cấp khoa và cấp trường. Hiện nay, công việc này đang được trả thù lao tương đối thấp. Ở các trường đại học trên thế giới, học phí của người học đã bao gồm quyền lợi được xét duyệt đạo đức nghiên cứu. Việc xét duyệt nhiều hồ sơ đạo đức nghiên cứu làm tăng áp lực và công sức cho các thành viên của các hội đồng xét duyệt đạo đức nghiên cứu.

Bốn là, nhà trường cần thực hiện các khảo sát đối với người học các cấp, giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ hỗ trợ giảng dạy nhằm đánh giá mức độ hiểu biết của họ về đạo đức nghiên cứu để từ đó xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, lồng ghép đạo đức nghiên cứu vào trong môn phương pháp nghiên cứu hoặc đưa chủ đề này thành một học phần độc lập. Bên cạnh đó, đối với chương trình sau đại học nhà trường phối hợp với các khoa tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật, trao đổi về đạo đức nghiên cứu để việc thực hành đi đúng với bản chất của đạo đức nghiên cứu. Quản lý cấp khoa cũng như giảng viên và người học

cần có nhận thức đúng đắn về đạo đức nghiên cứu, tránh việc thấy thủ tục phức tạp mà ngại thực hiện khảo sát trực tiếp với con người. Dữ liệu nghiên cứu sẽ bị hạn chế, tạo ra bước thụt lùi trong nghiên cứu khoa học,

Việc hiểu và áp dụng đạo đức nghiên cứu giúp nhà trường tạo được uy tín trong lĩnh vực học thuật, thể hiện tinh thần nghiêm túc của giảng viên, nhà nghiên cứu và người học trong nghiên cứu khoa học. Việc các nghiên cứu được thông qua về đạo đức phần nào giúp cho các công bố quốc tế được thuận lợi hơn. Những điều này rất quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Tài liệu trích dẫn

- Asad Abbas, Anam Fatima, Arturo Arrona-Palacios, Hussein Haruna, and Samira Hosseini. 2021. "Research Ethics Dilemma in Higher Education: Impact of Internet Access, Ethical Controls, and Teaching Factors on Student Plagiarism". *Education and Information Technologies* 26(5): 6109-6121. <https://doi.org/10.1007/s10639-021-10595-z>.
- Bor Luen Tang and Joan Siew Ching Lee. 2020. "A Reflective Account of a Research Ethics Course for an Interdisciplinary Cohort of Graduate Students". *Science and Engineering Ethics* 26(2): 1089-1105. <https://doi.org/10.1007/s11948-020-00200-w>.
- Bruce Macfarlane and Yoshiko Saitoh. 2008. "Research Ethics in Japanese Higher Education: Faculty Attitudes and Cultural Mediation". *Journal of Academic Ethics* 6: 181-195. <https://doi.org/10.1007/s10805-008-9065-9>.
- Bùi Trần Quỳnh Ngọc, Nguyễn Thị Thu Ba, Nguyễn Chung Hải, Phan Như Khôi và Phạm Trần Như Ái. 2023. "Việc tuân thủ đạo đức nghiên cứu khoa học của học viên cao học tại Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh". *Tạp chí Khoa học* 20(6): 1031-1042. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.6.3581\(2023\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.6.3581(2023)).

- Celia B. Fisher, Adam L. Fried, and Lindsay G. Feldman. 2009. "Graduate Socialization in the Responsible Conduct of Research: A National Survey on the Research Ethics Training Experiences of Psychology Doctoral Students". *Ethics & Behavior* 19(6): 496-518. <http://doi.org/10.1080/10508420903275283>.
- Châu Huy Ngọc, Trần Anh Tiến và Nguyễn Võ Đan Thanh. 2023. "Hội đồng đạo đức nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn: Một số vấn đề lý luận và mô hình triển khai tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh". *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ –Khoa học Xã hội và Nhân văn* 7(2): 1958-1196. <http://doi.org/10.32508/stdjssh.v7i2.826>.
- Elisabeth Hildt, Kelly Laas, Christine Miller, Stephanie Taylor, and Eric M. Brey. 2019. "Empowering Graduate Students to Address Ethics in Research Environments". *Cambridge Quarterly of Healthcare Ethics* 28(3): 542-550. <https://doi.org/10.1017/S096318011900046X>.
- Gul Shahla, Qaisara Parveen, and Muhammad Imran Yousuf. 2018. "Ethics of Conducting Research in Social Sciences at the University Level in Pakistan". *Global Social Sciences Review* 3(4): 486-497. [http://doi.org/10.31703/gssr.2018\(III-IV\).33](http://doi.org/10.31703/gssr.2018(III-IV).33).
- Helen Kara. 2018. *Research Ethics in the Real World. Euro-Western and Indigenous Perspectives*. Bristol University Press.
- Isla-Kate Morris. 2016. "E-ethics and Higher Education: Do Higher Education Challenges Make a Case for a Framework for Digital Research Ethics?" *Networking Knowledge: Journal of the MeCCSA Postgraduate Network* 9(5). <https://doi.org/10.31165/NK.2016.95.459>.
- Jaap Bos. 2020. *Research Ethics for Students in the Social Sciences*. Springer Nature.
- John W. Creswell and J. David Creswell. 2018. *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches* (5th ed.): Sage
- Jonathan R. Kasstan, Geoff Pearson, and Victoria Brooks. 2023. *Rethinking Research Ethics in the Humanities: Principles and Recommendations*. University of Westminster. <https://doi.org/10.34737/w36yq>.
- Keith F Punch. 2000. *Developing Effective Research Proposals*. London: Sage.
- Khaled Mohammad Abu Sheirah, Mohammad Saleh Alkaramneh, Saep Kamel Allala, Najah Yahya Alatwi, Rawan Abdul Mahdi Neyef Al-Saliti and Abdelrahim Fathy Ismail. 2025. "The extent of knowledge among faculty members at Jordanian universities regarding principles of AI ethics in scientific research and its guidelines". *Journal of Lifestyle and SDGs Review* 5(2): e03841-e03841. <https://doi.org/10.47172/2965-730X.SDGsReview.v5.n02.pe03841>.
- Lategan, L. 2014. "'Research Education': A Concept Wider than Postgraduate Supervision?" *Journal for New Generation Sciences* 12(2): 43-58. <https://doi.org/10.10520/EJC166489>.
- Laurel Smith-Doerr. 2006. "Learning to Reflect or Deflect? Us Policies and Graduate Programs' Ethics Training for Life Scientists". In: Scott Frickel and Kelly Moore (Eds.), *The New Political Sociology of Science*, University of Wisconsin Press, Madison, 405-431.
- Marie-Josée Drolet, Eugénie Rose-Derouin, Julie-Claude Leblanc, Mélanie Ruest, and Bryn Williams-Jones. 2023. "Ethical Issues in Research: Perceptions of Researchers, Research Ethics Board Members and Research Ethics Experts". *Journal of Academic Ethics* 21(2): 269-292. <http://doi.org/10.1007/s10805-022-09455-3>.
- Michelle K. McGinn and Sandra L. Bosacki. 2004. "Research Ethics and Practitioners: Concerns and Strategies for Novice Researchers Engaged in Graduate Education". *Forum: Qualitative Social Research (Sozialforschung)* 5(2). <https://doi.org/10.17169/fqs-5.2.615>.
- Mohammad Saleh Alkaramneh, Heyam Al-Taj, Bassam Omar Ghanem, Khaled Abu Sheirah, Hind Ghedhaifi, and Naela Shatat. 2025. "The Degree to Which Faculty Members at Jordanian Universities Employ Artificial Intelligence Applications in Education and Scientific Research". *Journal of Educator Onlin* 22(3). <https://doi.org/10.9743/JEO.2025.22.3.2>.

- Olesen Angelina Patrick, Latifah Amin and Zurina Mahadi. 2019. "Research Ethics: Researchers Consider How Best to Prevent Misconduct in Research in Malaysian Higher Learning Institutions through Ethics Education". *Science and Engineering Ethics* 25, 1111-1124. <https://doi.org/10.1007/s11948-018-0054-0>.
- Osungbade K. O., T. O. Ogundiran, and C. A. Adebamowo. 2014. "Research Ethics Education among Graduate Students of the University of Ibadan, Southwest Nigeria". *British Journal of Medicine and Medical Research* 4(14): 2736-2749. <https://doi.org/10.9734/BJMMR/2014/8523>.
- Padma Prakash. 2021. "Research Ethics in Social Science". In D. P. Singh (Ed.), *Academic Integrity and Research Quality* 34-53. University Grants Commission, Bahadur Shah Zafar Marg.
- Ruth McAreavey and Jenny Muir. 2011. "Research Ethics Committees: Values and Power in Higher Education". *International Journal of Social Research Methodology*, 14(5): 391-405. <https://doi.org/10.1080/13645579.2011.565635>
- Sari Östman and Riikka Turtiainen. 2016. "From Research Ethics to Researching Ethics in an Online Specific Context". *Media and Communication* 4(4): 66-74. <https://doi.org/10.17645/mac.v4i4.571>.
- Stephen L. Payne. 2000. Challenges for Research Ethics and Moral Knowledge Construction in the Applied Social Sciences. *Journal of Business Ethics* 26: 307-318. <https://doi.org/10.1023/A:1006173106143>.